

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2025/HC-PT

Ngày: 09/9/2025

*V/v: Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp tối tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 33/2025/TLPT-HC ngày 11/7/2025 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2025/HC-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396A/2025/QĐXXPT-HC ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Võ Văn C**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Số E, Thôn A, xã H, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là số E, thôn A, xã H, tỉnh Đắk Lắk)**. Có mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố **B**, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: **A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã **H**, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị T** và bà **Huỳnh Thị C1**; địa chỉ: **51 thôn A, xã H, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là số E thôn A, xã H, tỉnh Đắk Lắk)**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Xuân N1**, sinh năm: 1989; địa chỉ: **G N, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là G N, phường T, tỉnh Đắk Lắk)**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trình bày và yêu cầu của người khởi kiện:**

Bố mẹ tôi là ông **Võ L** và bà **Nguyễn Thị L1** có 01 thửa đất được hợp tác xã Đoàn Kết cấp năm 1983 đến ngày 11/01/1994 thì được **Ủy ban nhân dân thị xã B** (nay là **Ủy ban nhân dân thành phố B**) cấp Giấy CNQSD đất B 963416 đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 02, diện tích: 1.336m² đứng tên ông **Võ Lân** . Ngày 22/01/2018, bố mẹ tôi đã tặng cho lại quyền sử dụng đất trên cho tôi. Gia đình chúng tôi sinh sống ổn định, quản lý và sử dụng thửa đất nêu trên từ 1983 cho đến nay.

Bà **Huỳnh Thị C1** là hàng xóm của gia đình tôi cũng được Hợp tác xã Đoàn Kết cấp đất vào năm 1983. Ngày 11/01/1994, bà **C1** cũng được **Ủy ban nhân dân thị xã B** (Nay là **Ủy ban nhân dân thành phố B**) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 963525 đối với thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích: 3.631m². Ngày 16/01/2009, bà **C1** làm thủ tục tách thửa thành thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.180m² và thửa đất số 579A, tờ bản đồ số 02, diện tích 451m². Ngày 18/09/2014 bà **C1** tặng cho con gái bà **Huỳnh Thị T** thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.180m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 662492.

Năm 2021, bà **Huỳnh Thị T** khởi kiện yêu cầu gia đình chúng tôi trả lại bà **T** diện tích đất 914,6m². Tuy nhiên, chúng tôi xác định ranh giới thửa đất giữa hai nhà là hàng rào bằng móng xây đá hộc do gia đình tôi xây dựng khoảng 15 năm và phía sau là hàng chè tàu trồng khoảng 30 năm. Khi xây dựng các bên không có tranh chấp gì.

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, kết quả đo đạc xác định ranh giới thửa đất của **Công ty TNHH Đ** xác định:

Thửa đất 579, tờ bản đồ số 02, diện tích là 2.027,3m². Diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.180m².

Thửa đất 580, tờ bản đồ số 02, diện tích là 2.972,53m². Diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.336m².

Diện tích đất tranh chấp là 914,6m² nằm trong thửa 580, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại **xã H, thành phố B**.

Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã bác yêu cầu khởi kiện của bà **T**. Như vậy, diện tích 914,6m² trên là thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình chúng tôi, gia đình chúng tôi vẫn quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên từ năm 1983 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì chúng tôi mới phát hiện ra phần diện tích 914,6m² của gia đình chúng tôi đã được **Ủy ban nhân dân thành phố B** cấp chồng lên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà bà **T**.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: Tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 662492 đối với thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích: 3.180m² do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/01/2009 đứng tên bà Huỳnh Thị C1, được chỉnh lý sang tên cho bà Huỳnh Thị T vào ngày 18/09/2014.

*** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B đều không tham gia tố tụng. Ngày 25/02/2025, UBND thành phố B có Công văn số 929/UBND nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:**

1. Về nguồn gốc đất: Ngày 11/01/1994, UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B963525 cho bà Huỳnh Thị C1 tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 579, diện tích 3631m², mục đích sử dụng: Khu dân cư, thời hạn sử dụng: lâu dài.

Năm 2009, bà Huỳnh Thị C1 xin tách thành 02 thửa, thửa 579 và thửa 579A.

Ngày 16/01/2009, UBND thành phố cấp giấy chứng nhận QSD đất số AN 662492 cho bà Huỳnh Thị C1 tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3180m², mục đích sử dụng: 300m² đất ở, 288m² đất trồng cây lâu năm.

Ngày 05/09/2014, bà Huỳnh Thị C1 tặng cho bà Huỳnh Thị T được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận tại trang 4 ngày 18/9/2014.

2. Căn cứ pháp lý

Đơn xin đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Huỳnh Thị C1 kê khai đăng ký ngày 06/5/1993; thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.231m² đất màu, 400m² đất thổ cư;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ Mục IV Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK, ngày 14/07/1989 của T1 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định: “...IV. THẨM QUYỀN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT”

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng sau:

a) Nông trường, lâm trường và các tổ chức quốc doanh nông nghiệp, lâm nghiệp khác.

b) Xi nghiệp (quốc doanh, tập thể, tư nhân).

c) Đơn vị vũ trang nhân dân.

d) Cơ quan Nhà nước.

đ) Tổ chức xã hội.

e) Tổ chức tập thể và cá nhân sử dụng đất ở và đất chuyên dùng khác thuộc nội thành phố, thị xã, thị trấn.

g) Các tổ chức và cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, các tổ chức liên doanh giữa Việt Nam với nước ngoài.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng sau:

a) Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp

b) Xã viên hợp tác xã, tập đoàn, lâm nghiệp, nông dân cá thể và cá nhân khác sử dụng đất vùng nông thôn...”.

Theo quy định trên, ngày 11/01/1994, UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B963525 cho bà Huỳnh Thị C1 tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 579, diện tích 3631m², mục đích sử dụng: Khu dân cư, thời hạn sử dụng: Lâu dài. Ngày 16/01/2009 UBND thành phố cấp giấy chứng nhận QSD đất số AN 662492 cho bà Huỳnh Thị C1 tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3180m², mục đích sử dụng: 300m² đất ở, 288m² đất trồng cây lâu năm, là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định.

3. Quan điểm của Chủ tịch UBND thành phố: Việc UBND thành phố cấp giấy chứng nhận QSD đất số AN 662492 cho bà Huỳnh Thị C1 tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3180m², mục đích sử dụng: 300m² đất ở, 288m² đất trồng cây lâu năm là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, đối với nội dung ông Võ Văn C khởi kiện đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 662492 là không có cơ sở giải quyết. Đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định.

*** Lời khai của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Xuân N1:**

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, tôi xin trình bày nội dung tự khai như sau:

Bà Huỳnh Thị T và người khởi kiện là những người sử dụng đất liền kề nhau và đều được Nhà nước công nhận, cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

Thửa đất của bà T: Thửa số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.361m². Đã chuyển nhượng một phần diện tích 451m² (tách thửa, sang tên năm 2009). Diện tích còn lại 3.180m².

Thửa đất của người khởi kiện: Thửa đất số 580, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.336m².

Nguồn gốc đất: Các bên đều được Hợp tác xã Đoàn Kết cấp năm 1983 và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 11/01/1994 đến nay qua các lần biến động về QSD đất các bên không có bất cứ ý kiến gì về QSD đất.

Quá trình sử dụng: Đất của bà C1 đã được cấp giấy chứng nhận, sau đó bà C1 cho người khởi kiện mượn phần đất trồng mía (diện tích khoảng gần 1.000m²), bà C1 tuổi già sức yếu nên người khởi kiện chiếm dụng xây hàng rào không trả

lại (sau khi cấp giấy chứng nhận năm 1994 thì khoảng năm 1995 bà **C1** cho ông **Võ Lân M** phần diện tích đất này).

Người khởi kiện căn cứ vào bản án đã có hiệu lực pháp luật số: 116/2023/DSST ngày 10/7/2023 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột đề yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số AN 662492 đối với thửa đất số 579 tờ bản đồ số 2, diện tích 3.180m² do **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/01/2009 cho bà **Huỳnh Thị C1**, được chỉnh lý sang tên cho bà **Huỳnh Thị T** thì bà **C1**, bà **T** hoàn toàn **không đồng ý với yêu cầu người khởi kiện**.

Bởi lẽ: Quá trình giải quyết vụ án “Tranh chấp QSD đất” thì, TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk chỉ xác minh, thẩm định những người làm chứng biết về việc ranh hàng rào, thẩm định có hàng rào và cây trồng để từ đó bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **T** mà bỏ qua, không thu thập các chứng cứ khác, mặc dù diện tích đất tranh chấp nói trên đã được **UBND thành phố B** cấp giấy chứng nhận QSD đất cho gia đình bà **T** từ năm 1994.

Không đồng ý với Bản án 116/2023/DSST ngày 10/7/2023 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột nên bà **T** có kháng cáo bản án sơ thẩm. Do thời gian xét xử phúc thẩm bà **C1** đau ốm, bệnh tật do tuổi cao sức yếu nên phải chữa bệnh (mặc dù đã có đơn xin hoãn) nhưng cấp phúc thẩm không đồng ý hoãn phiên toà và ra quyết định đình chỉ xem xét kháng cáo.

Tại Bản án số 116/2023/DS-ST của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk kết luận vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và hiện nay, bà **T** đã làm đơn đề nghị xem xét giám đốc thẩm đối với bản án số 116/2023/DS-ST của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật.

Bà **T** không đồng ý yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, bởi lý do:

Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của **UBND thành phố B** cho gia đình là đúng quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng bà **C1** đã nhận chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho người khác; Tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà **T**, việc chuyển nhượng, tặng cho đúng quy định và đã được công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó: Theo quy định tại khoản 4 Điều 152 Luật đất đai năm 2024 thì yêu cầu người khởi kiện là không là căn cứ để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu. Đồng thời, thời hiệu khởi kiện quyết định hành chính đã hết nên tôi yêu cầu Toà án tính thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2025/HC-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

“Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn C** về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 662492 do UBND thành phố B cấp ngày 16/01/2009 cho bà **Huỳnh Thị C1** đối với thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đăng ký biến động tặng cho bà **Huỳnh Thị T** ngày 18/9/2014”.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2025, ông **Võ Văn C** có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 22/5/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 434/QĐ-VKS-HC đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông **Võ Văn C** giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ Quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn C** là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **C**, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa được mở lần 2 và người bị kiện đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 662492 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/01/2009 cho bà **Huỳnh Thị C1** là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Nguồn gốc thửa đất của ông **Võ Văn C**:

Ông **Võ L**, bà **Nguyễn Thị L1** được Hợp tác xã Đoàn Kết cấp 01 thửa đất. Ngày 11/01/1994, Ủy ban nhân dân thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số B 963416, đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.336m². Sau đó, ông L, bà L1 đã tặng cho thửa đất trên cho ông Võ Văn C.

Nguồn gốc thửa đất của bà Huỳnh Thị T: bà Huỳnh Thị C1 được Hợp tác xã Đoàn Kết cấp 01 thửa đất vào năm 1983. Ngày 11/01/1994, Ủy ban nhân dân thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.631m². Đến ngày 16/01/2009 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 662492 đối với thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.180m². Sau đó bà C1 tặng cho thửa đất trên cho bà Huỳnh Thị T.

[4] Quá trình sử dụng đất thì bà T đã khởi kiện yêu cầu ông C trả lại 914,6m² vì diện tích đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 662492 đối với thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.180m², nhưng hiện do gia đình ông C quản lý, sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 10/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã nhận định “*quá trình sử dụng đất các bên đều ở ổn định từ năm 1983 cho đến nay, ranh giới giữa hai nhà là hàng rào phía sau là hàng chè tàu và phía trước là hàng móng đá học xây dựng đã lâu, khi xây dựng các bên đều không ý kiến gì, các bên đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp đối với tường rào này*” “*Gia đình bà T cho rằng phần diện tích đất tranh chấp do bị đơn đang quản lý, sử dụng là do phía bị đơn mượn để trồng mía và sau này chiếm dụng không trả lại đất, tuy nhiên bà T không có cung cấp được các hợp đồng cho mượn cũng như các chứng cứ khác chứng minh lời trình bày của bà*” để từ đó quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị T.

Bản án dân sự sơ thẩm đang có hiệu lực pháp luật nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh, vì vậy có cơ sở xác định bà Huỳnh Thị C1 không quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 914,6m² ngay từ khi được Hợp tác xã Đoàn Kết cấp đất vào năm 1993.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị C1 bao gồm 914,6m² đất là không đúng quy định pháp luật.

[5] Như nhận định trên, thấy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[6] Về án phí: Ông Võ Văn C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C, chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 434/QĐ-VKS-HC ngày 22/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2025/HC-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn C.**

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 662492 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/01/2009 cho bà **Huỳnh Thị C1** đối với thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (cũ), đăng ký biến động tặng cho bà **Huỳnh Thị T** ngày 18/9/2014.

Bà **Huỳnh Thị T** có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đúng diện tích.

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông **Võ Văn C** không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả ông **C** số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0000139 ngày 15/5/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hoà